



沖縄アカデミー専門学校

入学願書

ĐƠN XIN NHẬP HỌC

No. _____

コース Khóa học	進学1.5年コース (10月入学) Khóa học tiến bộ 1.5 năm (ngày 2020 tháng 10)
-----------------	--

英語表記姓名 (パスポートと同じ名前を記入してください/Tên như trong hộ chiếu của bạn)

姓 名 Họ và tên	
------------------	--

漢字表記姓名がある方 Người có tên và họ Kanji

姓 名 Họ và tên	
------------------	--

写真 3ヶ月以内に写した 上半身脱帽のもの Hình Thê(40mm× 30mm) Hình thê trong vòng 3 tháng gần nhất Hình chụp nửa người trên
--

生年月日 Ngày Tháng Năm Sinh	年 月 日 Năm Tháng Ngày	年齢 () Tuổi	性 別 Giới Tính	男/Đàn ông 女/Phụ nữ	婚 姻 Tình trạng hôn nhân	未婚 / 既婚 chưa kết hôn/ cưới nhau
国 籍 Quốc Tịch		出 生 地 Nơi sinh		使用言語 Ngôn ngữ sử dụng		
住 所 Địa chỉ						
電 話 Số điện thoại	自宅電話番号 Số Điện Thoại		携帯電話 Số điện thoại di động		E-mail	
最終学歴 Giáo dục cuối cùng	<input type="checkbox"/> 大学院 (博士) Sau đại học (tiến sĩ)		<input type="checkbox"/> 大学院 (修士) Sau đại học (Thạc sĩ)		<input type="checkbox"/> 大学 Bachelor	
	<input type="checkbox"/> 専門学校 Trường nghề		<input type="checkbox"/> 高校 Trung học phổ thông		<input type="checkbox"/> 短期大学 Cao đẳng	
	<input type="checkbox"/> その他 () Khác					
	在籍状況 Tình trạng lưu trú	<input type="checkbox"/> 卒業 Tốt nghiệp	<input type="checkbox"/> 在学中 Đang theo học	<input type="checkbox"/> 休学中 Trong thời gian nghỉ	<input type="checkbox"/> 中退 Chưa hoàn thành khóa học	
	学校名 Tên trường		卒業又は卒業見込み年月日 Đã tốt nghiệp hoặc đang được xét tốt nghiệp		年 月 日 Năm Tháng Ngày	
職 業 Nghề nghiệp	<input type="checkbox"/> 学生・在学中 Sinh viên / Đang theo học		<input type="checkbox"/> 留学準備中 Chuẩn bị đi du học		<input type="checkbox"/> 会社に勤務 Nhân viên công ty	
	<input type="checkbox"/> その他 () Khác				<input type="checkbox"/> 兵役 Nghĩa vụ quân sự	
パスポート Passport	旅券番号 Số hộ chiếu		発行機関 Tổ chức phát hành			
	発行年月日 Ngày cấp	年 月 日 Năm Tháng Ngày	有効期限 Ngày hết hạn		年 月 日 Năm Tháng Ngày	

犯罪を理由とする処分を受けたことの有無 (日本国外におけるものを含む)
 Đã bị xử lý vì lý do hình sự (bao gồm cả ở Nhật Bản và Nhật Bản) ()
 無/Không 有/Có (具体的内容/ Nội dung cụ thể)

在留資格申請歴 Lịch sử xin visa

<input type="checkbox"/> 無/Không <input type="checkbox"/> 有/Có () 回/lần			
申請時期 Khi nào cần áp dụng	在留資格 Tình trạng cư trú	交付結果 Kết quả thi	不交付理由 Lý do từ chối
		<input type="checkbox"/> 交付/ Cho phép <input type="checkbox"/> 不交付/ Không	

家族構成 Gia đình

本国及び他国の家族 Gia đình ở quê nhà và các nước khác

氏名 Họ và tên	続柄 Mối quan hệ	年齢 Tuổi	職業 Nghề Nghiệp	現住所 Địa chỉ hiện tại

在日家族 Gia đình ở Nhật Bản

氏名 Họ và tên	続柄 Mối quan hệ	年齢 Tuổi	職業 Nghề Nghiệp	現住所 Địa chỉ hiện tại

経費支弁者 Người bảo lãnh tài chính

氏名 Họ và tên			
本人との関係 Mối quan hệ			
現住所 Địa chỉ hiện tại	〒 /Mã bưu điện		電話番号/Số Điện Thoại
勤務先名 Nơi Làm Việc		役職 Tiêu đề	
勤務先住所 Địa chỉ làm việc	〒 /Mã bưu điện		電話番号/Số Điện Thoại
職種内容 Mô tả công việc		年収 Thu nhập hàng năm	

身元保証人 Người bảo lãnh

氏名 Họ và tên			
本人との関係 Mối quan hệ			
現住所 Địa chỉ hiện tại	〒 /Mã bưu điện		電話番号/Số Điện Thoại
勤務先名 Nơi Làm Việc		役職 Tiêu đề	
勤務先住所 Địa chỉ làm việc	〒 /Mã bưu điện		電話番号/Số Điện Thoại

学生寮 Ký túc xá sinh viên

<input type="checkbox"/> 要/Áp dụng		
<input type="checkbox"/> 不要/Không áp dụng	滞在先 Nơi sinh sống	

留学理由/Mục đích học tập :

--

修了後の予定/Kế hoạch cụ thể sau khi tốt nghiệp :

<input type="checkbox"/> 日本で進学 Du học Nhật bản	<input type="checkbox"/> 大学院 Đi du học nhật bản	<input type="checkbox"/> 大学 Trường đại học	<input type="checkbox"/> 短期大学 Đại học	<input type="checkbox"/> 専門学校 Cao đẳng
	進学希望先学校名 Tên của trường bạn muốn nhập			
	希望科目 (専攻) Chuyên nghiệp			
<input type="checkbox"/> 日本で就職 Việc làm tại Nhật bản	就業予定先名称 Tên công ty			
	就業予定先住所 Địa chỉ			
	事業内容 Nội dung công việc			
<input type="checkbox"/> 事業経営 Tự kinh doanh	事業先住所 Địa chỉ			
	事業内容 Nội dung kinh doanh			
	資金調達計画・方法 Kế hoạch tài chính			
<input type="checkbox"/> 帰国 Trở về nhà	帰国後の予定 Kế hoạch sau khi trở về nhà			
<input type="checkbox"/> その他 Khác				

以上のとおり相違ありません。
Tôi xin cam đoan nội dung trên là đúng và chính xác.

本人氏名 _____ 署名 _____ 申請日 _____
 Tên của người _____ Chữ ký _____ Ngày nộp đơn _____ 年 月 日
 Năm Tháng Ngày

留学理由 (訳)

--

修了後の予定

<input type="checkbox"/> 日本で進学	<input type="checkbox"/> 大学院 <input type="checkbox"/> 大学 <input type="checkbox"/> 短期大学 <input type="checkbox"/> 専門学校	
	進学希望先学校名	
	希望科目 (専攻)	
<input type="checkbox"/> 日本で就職	就業予定先名称	
	就業予定先住所	
	事業内容	
<input type="checkbox"/> 事業経営	事業先住所	
	事業内容	
	資金調達計画・方法	
<input type="checkbox"/> 帰国	帰国後の予定	
<input type="checkbox"/> その他		

以上のとおり相違ありません。

本人氏名

署名


申請日

年 月 日

.....
原本を正しく翻訳いたしました。

翻訳者氏名 :

住所 :


沖縄アカデミー専門学校
経費支弁書

No. _____

日本国法務大臣 殿

申請人氏名 _____

国籍 _____

生年月日 _____ 年 月 日 性別 男/女 _____

私は、このたび上記のものが日本国に入国し、在留中の経費支弁者になりましたので、下記のとおり経費支弁の引受け経緯を説明するとともに経費支弁について証明します。

1. 経費支弁の引受け経緯
(申請者の経費支弁を引受けた経緯及び申請者との関係について具体的に記載してください)

2. 経費支弁内容

私、_____ は、上記の者の日本国滞在について、下記のとおり経費支弁することを証明します。また、上記の者が在留期間更新許可申請の際には、送金証明書又は本人名義の預金通帳（送金事実、経費支弁事実が記載されたもの）の写し等で、生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

(1) 学 費： _____

(2) 生活費： 月額 _____

(3) 支弁方法（送金・振込み等支弁方法を具体的に書いてください。）

_____ 年 月 日

支弁者住所 _____

電話番号 _____

支弁者氏名 _____ 署名 _____

学生との関係 _____



沖縄アカデミー専門学校

GIẤY BẢO LÃNH TÀI CHÍNH

No. _____

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ tư pháp Nhật Bản

Họ và tên _____

Quốc tịch _____

Ngày tháng năm sinh _____

年 月 日

Giới Tính

Đàn ông /
Phụ nữ

Năm / Tháng / Ngày

Tôi cam kết sẽ là người đứng ra bảo lãnh tài chính cho người có tên ở phía trên trong thời gian đến và sinh sống tại Nhật Bản. Tôi xin trình bày dưới đây về lý do đứng ra bảo lãnh tài chính và nội dung bảo lãnh tài chính.

Nội dung

1. Lý do bảo lãnh tài chính

Xin vui lòng trình bày cụ thể về lý do bảo lãnh tài chính và quan hệ đối với cá nhân phía trên.

2. Nội dung bảo lãnh tài chính:

Tôi, là _____, xin chứng nhận sẽ cung cấp chi phí cho cá nhân có tên phía trên trong thời gian sống tại Nhật Bản với số tiền như bên dưới. Ngoài ra, tôi cam kết khi cá nhân nêu trên làm thủ tục gia hạn tư cách cư trú, sẽ cung cấp các giấy tờ chứng minh đã cung cấp chi phí như giấy chứng nhận chuyển tiền, bản sao sổ tài khoản ngân hàng của cá nhân xin tư cách lưu trú (những giấy tờ có ghi lại việc chuyển tiền, việc hỗ trợ chi phí).

(1) Học phí : _____

(2) Sinh hoạt phí :

Mỗi tháng _____

(3) Hình thức cung cấp (Xin vui lòng trình bày rõ phương pháp cung cấp chi phí ví dụ như gửi tiền hay chuyển khoản).

年 月 日

Năm /Tháng/Ngày


Người bảo lãnh tài chính Địa chỉ _____

Số điện thoại _____

Tên người bảo lãnh tài chính _____

Chữ ký _____

Quan hệ với học sinh: _____


沖縄アカデミー専門学校
経費支弁書 (訳)

No. _____

日本国法務大臣 殿

申請人氏名 _____

国籍 _____

生年月日 _____ 年 月 日 性別 男/女 _____

私は、このたび上記のものが日本国に入国し、在留中の経費支弁者になりましたので、下記のとおり経費支弁の引受け経緯を説明するとともに経費支弁について証明します。

1. 経費支弁の引受け経緯
 (申請者の経費支弁を引受けた経緯及び申請者との関係について具体的に記載してください)

2. 経費支弁内容

私、_____ は、上記の者の日本国滞在について、下記のとおり経費支弁することを証明します。また、上記の者が在留期間更新許可申請の際には、送金証明書又は本人名義の預金通帳（送金事実、経費支弁事実が記載されたもの）の写し等で、生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

(1) 学 費： _____

(2) 生活費： 月額 _____

(3) 支弁方法（送金・振込み等支弁方法を具体的に書いてください。）

_____ 年 月 日

支弁者住所 _____

電話番号 _____

支弁者氏名 _____ 署名 _____

学生との関係 _____

原本を正しく翻訳いたしました。

翻訳者氏名： _____

住所： _____


沖縄アカデミー専門学校
誓約書
 Bản cam kết

No. _____

沖縄アカデミー専門学校 / College of Okinawa Academy
 校長 稲福 全三 殿 / Kính gửi thầy hiệu trưởng Inafuku zenzo

私は、貴校へ入学する際は、下記のことを確認し、責任をもって実行することを誓約いたします。
 Em xin xác nhận và cam kết sau khi nhập học quý trường sẽ bảo đảm chịu trách nhiệm thực hiện các điều nêu dưới đây:

1. 日本国滞在中並びに貴校在学中は日本国法令及び貴校が定める規則を遵守します。
2. 在学中は、貴校の教員ならびに職員の指導・指示に従います。
3. 在学中は勉学に励み、途中で就学を放棄するようなことはいたしません。
4. 他の学生の生活及び学習の妨げになるような行為はいたしません。
5. 所定の学習期間前に上級学校へ進学を希望する場合は、貴校の修了認定規定に従います。
6. 在籍期間中の転校は一切認められないことを了解します。
7. 経費支弁者は学費、生活費ならびに渡航費用について全責任を持ちます。
8. 入学時納入金については入学前に辞退した場合及び留学査証が発給されなかった場合を除き、原則返金されないことを了解します。
9. 不測の事態が発生したときは貴校の指示に従います。

1. Trong thời gian ở Nhật cũng như trong thời gian học tập tại trường sẽ tuân thủ pháp luật của Nhật Bản và nội quy của nhà trường.
2. Trong thời gian học tập tại trường sẽ tuân theo hướng dẫn, chỉ đạo của các thầy cô và cán bộ trong trường.
3. Trong thời gian theo học chăm chỉ học hành, không bỏ bê việc học giữa chừng.
4. Không có hành vi gây cản trở việc học và sinh hoạt của các bạn học sinh khác.
5. Trường hợp có nguyện vọng học lên trường cấp cao hơn trước thời gian học tập quy định phải tuân theo quy định chứng nhận hoàn thành khóa học của nhà trường.
6. Hiểu rằng trường không chấp nhận bất cứ việc chuyển trường nào trong thời gian học sinh đang theo học tại trường.
7. Người cung cấp chi phí sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm về học phí, phí sinh hoạt cũng như phí mua vé máy bay.
8. Hiểu rằng khoản tiền nộp lúc nhập học về nguyên tắc sẽ không được trả lại trừ trường hợp học sinh xin tự rút trước khi nhập học hay trường hợp học sinh không được cấp visa du học.
9. Trường hợp phát sinh sự cố phải tuân theo chỉ thị của nhà trường.

上記に違反した場合、ならびに入学書類に虚偽の記載をした場合、及び成業の見込みがないと判断された場合は、貴校のいかなる措置にも従います。

Trường hợp vi phạm các điều nêu trên hay trường hợp bị phát hiện có gian lận trong hồ sơ nhập học hoặc trường hợp bị xét không có khả năng hoàn thành được khóa học, em xin tuân thủ theo bất cứ biện pháp nào nhà trường đưa ra.

	年	月	日
	Năm	Tháng	Ngày
学生氏名 (自筆)			
Tên học sinh (tự viết)	Chữ ký		
支弁者氏名 (自筆)			
Tên người bảo lãnh tài chính (tự viết)	Chữ ký		
身元保証人氏名 (自筆)			
Tên người bảo lãnh (tự viết)	Chữ ký		